|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  **TỔNG CỤC DẠY NGHỀ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 325 /QĐ-TCDN | *Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2014* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và hướng dẫn đánh giá các chỉ số kiểm định chất lượng chương trình đào tạo để thí điểm thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo năm 2014 và năm 2015**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC DẠY NGHỀ**

Căn cứ Quyết định số 43/2013/QĐ-TTg ngày 16/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1501/2013/QĐ-LĐTBXH ngày 04/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm - Dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-TCDN ngày 15/4/2014 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề ban hành chương trình công tác năm 2014 của Tổng cục Dạy nghề;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm định chất lượng dạy nghề,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và hướng dẫn đánh giá các chỉ số kiểm định chất lượng chương trình đào tạo để thí điểm thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo năm 2014 và năm 2015 *(Phụ lục 01. Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và Phụ lục 02. Hướng dẫn đánh giá các chỉ số kiểm định chất lượng chương trình đào tạo kèm theo)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Cục trưởng Cục Kiểm định chất lượng dạy nghề, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Phi (để b/c);  - PTCT Nghiêm Trọng Quý (để t/h);  - Lưu: VT, CKĐCL. | **TỔNG CỤC TRƯỞNG**  **(đã ký)**  **Dương Đức Lân** |

# Phụ lục 01

# HỆ THỐNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-TCDN ngày 19 tháng 5 năm 2014*

*của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề)*

**I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề (sau đây gọi chung là trường) năm 2014 và năm 2015.

**2. Giải thích từ ngữ**

Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là quá trình đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng một chương trình đào tạo cụ thể tại một trường theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được quy định trong văn bản này.

2.2. Nhà giáo dạy nghề là người dạy lý thuyết chuyên môn hoặc dạy thực hành nghề hoặc vừa dạy lý thuyết chuyên môn vừa dạy thực hành nghề.

2.3. Tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là nội dung, mức độ yêu cầu và điều kiện mà trường phải đáp ứng để chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn chất lượng. Mỗi tiêu chí kiểm định bao gồm các tiêu chuẩn kiểm định.

2.4. Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là mức độ yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một nội dung của tiêu chí kiểm định. Mỗi tiêu chuẩn kiểm định bao gồm các chỉ số.

2.5. Chỉ số là mức độ yêu cầu và điều kiện về một khía cạnh cụ thể của tiêu chuẩn kiểm định.

2.6. Điểm chuẩn là tổng điểm tối đa quy định cho từng tiêu chí kiểm định.

2.7. Điểm đánh giá là điểm đạt được của từng chỉ số, từng tiêu chuẩn, từng tiêu chí kiểm định và của chương trình đào tạo.

**3. Các tiêu chí kiểm định, điểm chuẩn, phạm vi đánh giá và điểm đánh giá**

3.1. Các tiêu chí kiểm định và điểm chuẩn

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | ***Điểm chuẩn*** |
| Tiêu chí 1 - Mục tiêu, nhiệm vụ | 03 |
| Tiêu chí 2 - Hoạt động quản lý và tổ chức đào tạo | 26 |
| Tiêu chí 3 - Nhà giáo dạy nghề và cán bộ quản lý | 21 |
| Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình | 14 |
| Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, thư viện | 17 |
| Tiêu chí 6 - Quản lý tài chính | 07 |
| Tiêu chí 7 – Công tác học sinh, sinh viên | 12 |
| ***Tổng số điểm chuẩn của 7 tiêu chí*** | ***100*** |

3.2. Việc đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số chỉ áp dụng đối với các yếu tố, nội dung liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định.

3.3. Điểm đánh giá cho mỗi chỉ số đạt yêu cầu là 1 điểm, chỉ số không đạt yêu cầu là 0 điểm.

**4. Các cấp độ đánh giá kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo**

***4.1. Cấp độ 1***

Đạt cấp độ 1 trong các trường hợp sau:

a) Tổng số điểm đánh giá đạt dưới 50 điểm;

b) Tổng số điểm đánh giá đạt từ 50 điểm trở lên nhưng có một tiêu chí điểm đánh giá đạt dưới 50% điểm chuẩn của tiêu chí đó.

***4.2. Cấp độ 2***

Đạt cấp độ 2 trong các trường hợp sau:

a) Tổng số điểm đánh giá đạt từ 50 điểm đến dưới 80 điểm và điểm đánh giá của từng tiêu chí kiểm định đạt từ 50% điểm chuẩn trở lên;

b) Tổng số điểm đánh giá đạt 80 điểm trở lên và điểm đánh giá của từng tiêu chí kiểm định đạt từ 50% điểm chuẩn trở lên nhưng có một trong các tiêu chí 2, 3, 4, 5 đạt dưới 85% điểm chuẩn của tiêu chí đó.

***4.3. Cấp độ 3***

Đạt cấp độ 3 trong trường hợp sau:

Tổng số điểm đánh giá đạt từ 80 điểm trở lên và điểm đánh giá của từng tiêu chí kiểm định đạt từ 50% điểm chuẩn trở lên, trong đó các tiêu chí 2, 3, 4, 5 đạt từ 85% điểm chuẩn trở lên.

**II. HỆ THỐNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, nhiệm vụ**

***1.1. Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo***

a) Chỉ số 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu dạy nghề theo trình độ đào tạo nghề được quy định tại Luật Dạy nghề, chương trình khung, mục tiêu, nhiệm vụ của trường và yêu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành.

b) Chỉ số 2: Mục tiêu của chương trình đào tạo thể hiện đầy đủ những yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; chính trị, đạo đức, thể chất, quốc phòng; định hướng vị trí việc làm của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

***1.2. Tiêu chuẩn 1.2. Nhiệm vụ đào tạo của trường đối với nghề có chương trình đào tạo được kiểm định***

a) Chỉ số 1: Nhiệm vụ đào tạo của trường đối với nghề có chương trình đào tạo được kiểm định phải được xác định rõ ràng về số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm của học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp và được công bố công khai trước khi tổ chức các khóa đào tạo.

**2. Tiêu chí 2 - Hoạt động quản lý và tổ chức đào tạo**

***2.1. Tiêu chuẩn 2.1: Quản lý chất lượng đào tạo***

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định trách nhiệm của các đơn vị có liên quan khi tổ chức đào tạo.

b) Chỉ số 2: Trường có nhân sự hoặc bộ phận chức năng thực hiện công tác quản lý chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c) Chỉ số 3: Trường có sử dụng phần mềm quản lý đào tạo đảm bảo an toàn, chính xác và khoa học trong lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên, đảm bảo thuận lợi cho việc phổ biến, quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo.

d) Chỉ số 4: Hàng năm, trường tổ chức tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

***2.2. Tiêu chuẩn 2.2: Công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định***

a) Chỉ số 1: Trường có quy chế tuyển sinh; hàng năm, có kế hoạch và hướng dẫn công tác tuyển sinh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Chỉ số 2: Hàng năm tổ chức thực hiện tuyển sinh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và quy chế tuyển sinh của trường đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

c) Chỉ số 3: Hàng năm, kết quả về số lượng tuyển sinh đạt từ 80% trở lên so với kế hoạch tuyển sinh của trường.

d) Chỉ số 4: Hàng năm, trường đánh giá công tác tuyển sinh và có biện pháp nâng cao hiệu quả tuyển sinh.

***2.3. Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện đa dạng hoá các hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo***

a) Chỉ số 1: Trường có hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, sinh viên.

b) Chỉ số 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo dạy nghề, doanh nghiệp có tham gia thực hiện chương trình đào tạo, học sinh, sinh viên và người tốt nghiệp đã đi làm về sự phù hợp, hiệu quả của các hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo đang triển khai; có báo cáo kết quả việc thu thập ý kiến đánh giá và đã sử dụng kết quả thu thập ý kiến đánh giá để điều chỉnh phù hợp với thực tế, nâng cao hiệu quả của các hình thức, phương pháp tổ chức đào tạo.

***2.4. Tiêu chuẩn 2.4: Kế hoạch đào tạo được xây dựng và tổ chức thực hiện đúng quy định***

a) Chỉ số 1: Trường có kế hoạch và tiến độ đào tạo cho từng khóa học, năm học, học kỳ theo đúng chương trình đào tạo và đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Chỉ số 2: Tổ chức đào tạo theo đúng kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo và đảm bảo tiến độ.

c) Chỉ số 3: Trường có văn bản quy định về kiểm tra, giám sát kế hoạch và tiến độ đào tạo nhằm đánh giá chất lượng và hiệu quả thực hiện kế hoạch đào tạo theo quy định; thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo theo quy định của trường.

***2.5. Tiêu chuẩn 2.5: Thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học***

a) Chỉ số 1: Áp dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa học sinh, sinh viên, khuyến khích phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của học sinh, sinh viên.

b) Chỉ số 2: Trường có các kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến hoặc thiết bị dạy nghề tự làm được ứng dụng hiệu quả trong hoạt động giảng dạy, học tập.

c) Chỉ số 3: Trường có các hình thức phối hợp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong quá trình đào tạo.

d) Chỉ số 4: Trường có tham gia hoạt động hợp tác với các cơ sở đào tạo của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn và phương pháp dạy học.

đ) Chỉ số 5: Hàng năm, trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo dạy nghề, học sinh, sinh viên, người tốt nghiệp đã đi làm và doanh nghiệp về các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học; có báo cáo kết quả việc thu thập ý kiến và đã sử dụng kết quả thu thập ý kiến để tổng kết, đánh giá và hoàn thiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học để phổ biến áp dụng.

***2.6. Tiêu chuẩn 2.6. Thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên theo quy định***

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho học sinh, sinh viên theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và của trường.

c) Chỉ số 3: Trường có ngân hàng đề thi tốt nghiệp và kiểm tra kết thúc mô đun, môn học đã được thẩm định, nghiệm thu, phê duyệt và đưa vào sử dụng; hàng năm được rà soát, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

d) Chỉ số 4: Trường có văn bản quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn và mức điểm chi tiết để đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

đ) Chỉ số 5: Trường tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và của trường.

e) Chỉ số 6: Thực hiện việc lưu trữ kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

***2.7. Tiêu chuẩn 2.7. Kết quả và hiệu quả đào tạo***

a) Chỉ số 1: Tỷ lệ bỏ học, thôi học trong mỗi khóa học không được vượt quá 15% tổng số học sinh, sinh viên. Tối thiểu 85% học sinh, sinh viên được thi tốt nghiệp đạt yêu cầu, trong đó ít nhất 30% số học sinh, sinh viên được xếp loại học tập từ loại khá trở lên.

b) Chỉ số 2: Tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm đúng nghề được đào tạo trong thời gian 6 tháng sau khi tốt nghiệp đạt từ 70% trở lên.

**3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo dạy nghề và cán bộ quản lý**

***3.1. Tiêu chuẩn 3.1: Trường có quy định về tuyển dụng, đánh giá nhà giáo dạy nghề và có chính sách khuyến khích nhà giáo dạy nghề học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.***

a) Chỉ số 1: Trường có quy định về tuyển dụng nhà giáo dạy nghề theo quy định của Nhà nước và có quy định về việc đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy nghề hàng năm.

b) Chỉ số 2: Trường có chính sách và biện pháp khuyến khích nhà giáo dạy nghề học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giảng dạy.

c) Chỉ số 3: Trường đã thực hiện chính sách và biện pháp khuyến khích nhà giáo dạy nghề học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giảng dạy.

d) Chỉ số 4: Trường có quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù đối với nữ hoặc nam để thực hiện chính sách ưu tiên trong từng công việc, vị trí cụ thể; trường thực hiện nữ được quyền lựa chọn và việc ưu tiên nữ trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam; bảo đảm cho nam, nữ bình đẳng về trách nhiệm và quyền lợi.

***3.2. Tiêu chuẩn 3.2: Tuyển dụng đội ngũ nhà giáo dạy nghề***

a) Chỉ số 1: Trường có kế hoạch và tổ chức việc tuyển dụng nhà giáo dạy nghề đúng quy định

***3.3. Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo dạy nghề đáp ứng yêu cầu***

a) Chỉ số 1: Có đủ số lượng nhà giáo dạy nghề để bảo đảm quy mô và tiến độ đào tạo theo quy định.

b) Chỉ số 2: Tổng số giờ giảng dạy vượt tiêu chuẩn giờ giảng của nhà giáo dạy nghề trong năm học không vượt quá số giờ quy định.

***3.4. Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo dạy nghề đạt chuẩn***

a) Chỉ số 1: Đội ngũ nhà giáo dạy nghề đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Chỉ số 2: Đội ngũ nhà giáo dạy nghề đạt chuẩn kỹ năng nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Chỉ số 3: Đội ngũ nhà giáo dạy nghề đạt chuẩn trình độ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Chỉ số 4: Đội ngũ nhà giáo dạy nghề đạt chuẩn trình độ tin học, ngoại ngữ theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

***3.5. Tiêu chuẩn 3.5:******Nhà giáo dạy nghề thực hiện đầy đủ và có hiệu quả nhiệm vụ được giao***

a) Chỉ số 1: Đội ngũ nhà giáo dạy nghề thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ: chuẩn bị giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên, quản lý hồ sơ dạy học theo quy định.

b) Chỉ số 2: Đội ngũ nhà giáo tham gia các phong trào thi đua của các cấp tổ chức: hội giảng, hội thi thiết bị tự làm.

c) Chỉ số 3: Nhà giáo dạy nghề tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên hoặc có sáng kiến cải tiến hoặc làm đồ dùng, thiết bị dạy học nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy.

***3.6. Tiêu chuẩn 3.6: Đội ngũ nhà giáo dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ***

a) Chỉ số 1: Hàng năm, trường có kế hoạch chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo dạy nghề và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo dạy nghề.

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng hoặc cử nhà giáo đi học tập, bồi dưỡng theo kế hoạch.

c) Chỉ số 3: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức cho nhà giáo dạy nghề đi thực tế sản xuất, tiếp cận với công nghệ mới để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

d) Chỉ số 4: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo dạy nghề và việc cử nhà giáo dạy nghề đi thực tế sản xuất.

***3.7. Tiêu chuẩn 3.7: Đội ngũ nhà giáo được đánh giá, xếp loại hàng năm***

a) Chỉ số 1: Công tác đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy nghề được triển khai hàng năm theo quy định, đảm bảo chính xác, trung thực và khách quan.

***3.8. Tiêu chuẩn 3.8: Cán bộ của Khoa phụ trách chương trình đào tạo*** a) Chỉ số 1: Có văn bản phân công, quy định trách nhiệm, quyền hạn đối với cán bộ của Khoa phụ trách chương trình đào tạo.

b) Chỉ số 2: Cán bộ của Khoa được giao phụ trách chương trình đào tạo thực hiện đầy đủ và có hiệu quả nhiệmvụ, quyền hạn được giao.

**4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình**

***4.1. Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình dạy nghề được tổ chức xây dựng, nghiệm thu, phê duyệt theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội***

a) Chỉ số 1: Trường có quy định về việc tổ chức xây dựng, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề của trường theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức thực hiện việc xây dựng, nghiệm thu, phê duyệt chương trình dạy nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và của trường.

***4.2. Tiêu chuẩn 4.2: Chương trình dạy nghề được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật của các doanh nghiệp; có sự tham khảo các chương trình tương ứng của nước ngoài và cập nhật thành tựu khoa học, công nghệ mới có liên quan đến chương trình dạy nghề***

a) Chỉ số 1: Chương trình dạy nghề được xây dựng có sự tham gia của các nhà giáo dạy nghề.

b) Chỉ số 2: Chương trình dạy nghề được xây dựng có sự tham gia của cán bộ quản lý của các phòng khoa có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo.

c) Chỉ số 3: Chương trình dạy nghề được xây dựng có sự tham gia của các cán bộ khoa học kỹ thuật trong các doanh nghiệp.

d) Chỉ số 4: Khi xây dựng chương trình dạy nghề có tham khảo các chương trình tương ứng của nước ngoài hoặc cập nhật những thành tựu khoa học, công nghệ mới liên quan đến chương trình dạy nghề.

***4.3. Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình dạy nghề được rà soát, điều chỉnh, bổ sung***

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc hàng năm rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

b) Chỉ số 2: Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề theo quy định.

c) Chỉ số 3: Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình dạy nghề ngay khi phát hiện có thay đổi của công nghệ trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến chương trình dạy nghề.

***4.4. Tiêu chuẩn 4.4: Giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình dạy nghề được biên soạn và ban hành theo quy định***

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định việc tổ chức biên soạn và phê duyệt giáo trình.

b) Chỉ số 2: Trường thực hiện tổ chức biên soạn và phê duyệt giáo trình đúng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và của trường.

c) Chỉ số 3: Có đủ giáo trình của các mô-đun, môn học trong chương trình dạy nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và của trường.

***4.5. Tiêu chuẩn 4.5: Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung***

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung giáo trình.

b) Chỉ số 2: Trường tổ chức rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình theo quy định.

**5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, thư viện**

***5.1. Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo***

a) Chỉ số 1: Trường có số lượng các phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và quy mô đào tạo của nghề.

b) Chỉ số 2: Các phòng học, xưởng thực hành bảo đảm quy chuẩn xây dựng.

c) Chỉ số 3: Trường có văn bản quy định về quản lý, sử dụng và sửa chữa, bảo dưỡng các phòng học, xưởng thực hành; Các phòng học, xưởng thực hành được bảo dưỡng theo quy định, đảm bảo hoạt động bình thường.

***5.2. Tiêu chuẩn 5.2: Thiết bị dạy nghề đáp ứng quy mô đào tạo***

a) Chỉ số 1: Trường có đủ chủng loại thiết bị dạy nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trường hợp chưa có quy định về danh mục thiết bị dạy nghề phải có đủ chủng loại thiết bị dạy nghề đáp ứng yêu cầu đã được xác định trong chương trình đào tạo.

b) Chỉ số 2: Trường có đủ số lượng thiết bị dạy nghề phù hợp với quy mô đào tạo.

c) Chỉ số 3: Các thiết bị dạy nghề của trường đảm bảo hoạt động bình thường, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo.

d) Chỉ số 4: Các thiết bị dạy nghề được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hoạt động dạy và học.

***5.3. Tiêu chuẩn 5.3: Quản lý, sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị và đồ dùng dạy học***

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về quản lý, sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị và đồ dùng dạy học.

b) Chỉ số 2: Các thiết bị và đồ dùng dạy học có hồ sơ quản lý rõ ràng và được sử dụng đúng quy định.

c) Chỉ số 3: Các thiết bị và đồ dùng dạy học được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo quy định của trường và nhà sản xuất.

d) Chỉ số 4: Các thiết bị và đồ dùng dạy học đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng.

***5.4. Tiêu chuẩn 5.4: Nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng hoạt động dạy và học***

a) Chỉ số 1: Trườngcó quy định về việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động dạy và học.

b) Chỉ số 2: Tổ chức việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu theo quy định.

c) Chỉ số 3: Trường có kế hoạch vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu cho từng học kỳ, năm học.

d) Chỉ số 4: Vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được cung cấp kịp thời, đầy đủ theo kế hoạch và tiến độ đào tạo.

***5.5. Tiêu chuẩn 5.5: Thư viện đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo***

a) Chỉ số 1: Trường có thư viện; thư viện có đủ giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 10 bản in hoặc file mềm; hình thức phục vụ phù hợp với nhu cầu tra cứu của nhà giáo dạy nghề và học sinh, sinh viên.

b) Chỉ số 2: Thư viện được tin học hóa, có các tài liệu điện tử, được nối mạng, bảo đảm các thiết bị hoạt động bình thường phục vụ thuận lợi cho nhu cầu tra cứu của nhà giáo và học sinh, sinh viên.

**6. Tiêu chí 6 - Quản lý tài chính**

***6.1. Tiêu chuẩn 6.1: Lập kế hoạch tài chính theo đúng quy định***

a) Chỉ số 1: Trường có văn bản quy định về việc lập kế hoạch tài chính và quy định về các định mức chi liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo.

b) Chỉ số 2: Hàng năm, các đơn vị có liên quan lập kế hoạch tài chính thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; bảo đảm định mức quy định và phù hợp tình hình giá cả, điều kiện hoạt động thực tế.

***6.2. Tiêu chuẩn 6.2: Nguồn thu để thực hiện chương trình đào tạo***

a) Chỉ số 1: Các nguồn thu hợp pháp theo quy định.

b) Chỉ số 2: Tổng nguồn thu hợp pháp đáp ứng yêu cầu kinh phí trong kế hoạch tài chính hàng năm của trường để thực hiện chương trình đào tạo.

***6.3. Tiêu chuẩn 6.3: Thực hiện chi theo quy định***

a) Chỉ số 1: Thực hiện chi theo đúng quy định và theo kế hoạch tài chính đã được phê duyệt; hồ sơ, chứng từ được lưu trữ theo quy định.

b) Chỉ số 2: Thực hiện công khai tài chính đối với hoạt động thực hiện chương trình đào tạo theo quy định.

c) Chỉ số 3: Hàng năm, thực hiện rà soát định mức chi liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo và điều chỉnh khi cần thiết.

**7. Tiêu chí 7 – Công tác học sinh, sinh viên**

***7.1. Tiêu chuẩn 7.1: Học sinh, sinh viên được tạo điều kiện học tập, rèn luyện để*** ***nâng cao sức khỏe phát triển thể chất, tham gia nghiên cứu khoa học hoặc thi tay nghề***

a) Chỉ số 1: Trường có phòng hoặc bộ phận chuyên trách quản lý học sinh, sinh viên và có quy định về công tác học sinh, sinh viên.

b) Chỉ số 2: Học sinh, sinh viên được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội khác.

c) Chỉ số 3: Trường định kỳ tổ chức cho học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc thi tay nghề phù hợp với chương trình đào tạo.

***7.2. Tiêu chuẩn 7.2: Học sinh, sinh viên được tiếp cận với thông tin cần thiết về chương trình đào tạo ngay từ khi nhập học***

a) Chỉ số 1: Trường có quy định về việc cung cấp thông tin cần thiết cho học sinh, sinh viên về chương trình đào tạo; Học sinh, sinh viên được cung cấp các thông tin cần thiết có liên quan đến chương trình đào tạo theo quy định.

***7.3. Tiêu chuẩn 7.3: Đảm bảo các chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên***

a) Chỉ số 1: Trường đảm bảo các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên theo quy định.

***7.4. Tiêu chuẩn 7.4: Các dịch vụ cho học sinh, sinh viên***

a) Chỉ số 1: Học sinh, sinh viên được cung cấp dịch vụ hỗ trợ trong quá trình đào tạo (ăn, ở, giải trí, tư vấn tâm lý, tư vấn nghề nghiệp, cung cấp tài liệu…).

b) Chỉ số 2: Trường có ký túc xá đảm bảo các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, an ninh) cho sinh hoạt và học tập của học sinh, sinh viên; có chính sách ưu tiên cho học sinh, sinh viên được hưởng chính sách người có công, quân nhân xuất ngũ, người dân tộc thiểu số, người nghèo và nữ có chỗ ở trong ký túc xá.

c) Chỉ số 3: Trường có nhà ăn hoặc dịch vụ ăn uống, đáp ứng nhu cầu của học sinh, sinh viên và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

d) Chỉ số 4: Trường có bộ phận y tế thực hiện sơ cứu và tổ chức cung cấp các dịch vụ y tế, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, sinh viên; hàng năm, có báo cáo kết quả triển khai công tác y tế trường học.

***7.5. Tiêu chuẩn 7.5: Cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm miễn phí cho học sinh, sinh viên***

a) Chỉ số 1: Trường có đơn vị hoặc bộ phận cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên.

b) Chỉ số 2: Trường thực hiện cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm miễn phí cho học sinh, sinh viên.

c) Chỉ số 3: Hàng năm rà soát, đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên./.